

Số: 97/2018/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 02 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 07 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng Nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 07 (bất thường) thông qua ngày 01 tháng 02 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 02 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định thí điểm chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trương Văn Sáu

Chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long

của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục hưởng chính sách của tỉnh Vĩnh Long áp dụng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư) liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Ngành, nghề - lĩnh vực, địa bàn hỗ trợ đầu tư

Ngành, nghề - lĩnh vực, địa bàn hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long được quy định cụ thể tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư

1. Nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư từ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết này.

2. Trong cùng một thời điểm và cùng một dự án, nếu nhà đầu tư được hưởng từ hai mức hỗ trợ khác nhau cho cùng một chính sách và từ nguồn kinh phí của tỉnh thì nhà đầu tư chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Quyền của nhà đầu tư:

a) Được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về môi trường pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa

bàn, danh mục các dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.

b) Nhà đầu tư căn cứ vào các mức hỗ trợ và điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này để xác định mức hỗ trợ và làm thủ tục hưởng hỗ trợ đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền tương ứng với từng loại hỗ trợ đầu tư.

2. Nghĩa vụ của nhà đầu tư:

Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định của pháp luật liên quan khác của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Quy định của Nghị quyết này; triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, mục tiêu và thời gian theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ đầu tư

Khi dự án đầu tư được triển khai xây dựng đạt 100% khối lượng và hoàn thành đưa vào sử dụng thì sẽ được giải ngân 100% mức vốn hỗ trợ.

Đối với các chính sách hỗ trợ có liên quan đến sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh phải tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đầu tư được chi từ nguồn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

2. Căn cứ vào các mức hỗ trợ, hằng năm các ngành chức năng theo quy định lập kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VẬN ĐỘNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH

Điều 8. Hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư

Hỗ trợ 80% chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng và lập dự án đầu tư, theo định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng ban hành theo từng thời điểm, nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án (riêng đối với dự án không lập quy hoạch chi tiết xây dựng thì mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án).

Điều 9. Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (gồm đất đai và các tài sản, vật kiến trúc trên đất)

Hỗ trợ 20% trên tổng chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án, giá trị hỗ trợ được áp dụng theo khung giá nhà nước quy định.

Điều 10. Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn

Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt cột A theo tiêu chuẩn hiện hành nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 11. Hỗ trợ về tín dụng

Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn để đầu tư tài sản cố định từ các ngân hàng thương mại trong nước hoặc từ Quỹ Đầu tư Phát triển của tỉnh trong thời gian là 03 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 12. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông đối với các dự án ở bên ngoài các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông đến hàng rào doanh nghiệp với khoảng cách tối đa không quá 1.000 mét tính từ điểm đầu nối với trục giao thông chính nhưng không quá cấp đường đầu nối với tổng mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục được ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh.

Điều 13. Hỗ trợ đầu tư về kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông đến hàng rào các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng với mức hỗ trợ 50 tỷ đồng/ 1 khu công nghiệp; 25 tỷ đồng/ 1 cụm công nghiệp.

Điều 14. Hỗ trợ, đầu tư đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến rau, củ, quả; xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao

1. Hỗ trợ 50% chi phí để đầu tư xây dựng nhà xưởng; mua máy móc, thiết bị; lắp đặt hệ thống tưới nước tự động; đóng gói, bảo quản sản phẩm (không bao gồm chi phí xây dựng văn phòng) tổng mức hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/dự án.

2. Hỗ trợ (một lần) 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp, thuê tổ chức tư vấn hướng dẫn, chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn. Nội dung kinh phí thuê tổ chức chứng

nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn phải phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật dẫn đến hàng rào doanh nghiệp của vùng sản xuất tập trung nhưng tối đa 03 tỷ đồng/dự án.

4. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ, đầu tư này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô sản xuất vùng nguyên liệu tập trung từ 30 ha trở lên đối với vùng cây ăn quả và quy mô 20 ha đối với vùng sản xuất rau màu. Riêng đối với dự án xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao có quy mô sản xuất vùng nguyên liệu tập trung từ 50 ha trở lên;

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

Điều 15. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Hỗ trợ 80% kinh phí/1 học viên cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các khóa đào tạo các lớp quản lý bậc cao như: Giám đốc Điều hành (CEO); Giám đốc Kinh doanh (SMD); Giám đốc Tài chính (CFO); Giám đốc Nhân sự (CPO), Giám đốc Sản xuất,...và các khóa tập huấn, các lớp đào tạo tập trung ngắn hạn do cơ quan cấp có thẩm quyền tổ chức.

Điều 16. Hỗ trợ chi phí quảng cáo

Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo sản phẩm mới theo quy định của pháp luật về quảng cáo, với mức hỗ trợ tối đa không quá 02 lần/doanh nghiệp/năm, nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/lần.

Điều 17. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư

Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh khi tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng tối đa 02 người/doanh nghiệp/năm.

Điều 18. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

1. Hỗ trợ 30% kinh phí đối với dự án đổi mới công nghệ, nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

2. Các dự án được hưởng hỗ trợ phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Các sản phẩm của doanh nghiệp sau khi đổi mới công nghệ phải được công bố tiêu chuẩn theo quy định.

b) Có ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các nội dung theo đúng quy định của lĩnh vực chuyên ngành.

Điều 19. Hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc cần thiết vận động thu hút đầu tư thành công để dự án của các nhà đầu tư được triển khai xây dựng và hoàn thành cơ bản đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được tỉnh hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư.

Những cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp hoặc có liên quan đến công tác xúc tiến tại Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan làm công tác xúc tiến (đầu tư, thương mại, du lịch, khuyến nông, khuyến công) và Ban Quản lý các khu công nghiệp không thuộc đối tượng được tỉnh hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư vào tỉnh.

2. Các tổ chức hoặc cá nhân phải có văn bản xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký tham gia công tác vận động mời gọi đầu tư trước khi tiến hành vận động mời gọi đầu tư. Hồ sơ phải nộp gồm: 01 Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư (Theo mẫu 3, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư của tổ chức hoặc cá nhân. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xác nhận gửi theo đường bưu điện hoặc trao trực tiếp cho đối tượng đã đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư.

3. Khi dự án của các nhà đầu tư được triển khai xây dựng và hoàn thành cơ bản đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được tỉnh hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư bằng 0,2% trên tổng vốn xây dựng (gồm chi phí xây lắp và thiết bị) của dự án khi được quyết toán nhưng không vượt quá 300 triệu đồng/dự án.

Chương III

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VẬN ĐỘNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH

Điều 20. Hồ sơ đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư. (Theo mẫu 1, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả triển khai thực hiện dự án đầu tư khi bắt đầu triển khai xây dựng đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư.

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có).

đ) Các hồ sơ liên quan đến trình tự thủ tục thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công (đối với các chính sách hỗ trợ có liên quan đến sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh).

e) Các tài liệu khác kèm theo:

Ngoài các thành phần hồ sơ quy định trên, tương ứng với từng loại chính sách được quy định tại Chương II Nghị quyết này, nhà đầu tư đề nghị được hỗ trợ phải cung cấp các tài liệu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành có liên quan như:

- Đối với hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp Hợp đồng lập quy hoạch chi tiết xây dựng và lập dự án đầu tư (bản sao có chứng thực);

- Đối với hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: Nhà đầu tư cung cấp Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đính kèm danh sách bồi thường chi tiết đối với các đối tượng bị thu hồi đất (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn: Nhà đầu tư cung cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ về tín dụng: Nhà đầu tư nộp hồ sơ hoàn công hoàn thành Tài sản cố định và Hợp đồng cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại hoặc Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông đối với các dự án ở bên ngoài các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Nhà đầu tư cung cấp Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; Hồ sơ hoàn công và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đầu tư về kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Nhà đầu tư cung cấp Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; Hồ sơ hoàn công và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ, đầu tư đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến rau, củ, quả; xây dựng cánh đồng sản xuất lúa chất lượng cao: Nhà đầu tư cung cấp Biên

bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; Hồ sơ hoàn công và bảng giá trị quyết toán công trình (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: Nhà đầu tư cung cấp phiếu đăng ký tham gia khóa đào tạo theo kế hoạch chiêu sinh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức.

- Đối với hỗ trợ chi phí quảng cáo: Nhà đầu tư cung cấp các hợp đồng quảng cáo sản phẩm mới với các đơn vị truyền thông (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng với các đơn vị tổ chức sự kiện trong quá trình tham gia xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước (bản sao có chứng thực).

- Đối với hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ: Nhà đầu tư cung cấp hợp đồng mua bán máy móc thiết bị mới, được ký kết giữa doanh nghiệp và đơn vị cung cấp (bản sao có chứng thực).

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung, thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị được hưởng hỗ trợ đầu tư.

3. Giải quyết chế độ chính sách hỗ trợ đầu tư

a) Nhà đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ đầu tư theo quy định này nộp 03 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) gửi theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ gửi kết quả theo đường bưu điện hoặc trao trực tiếp kết quả được hưởng hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh cho nhà đầu tư

c) Trường hợp có ý kiến khác nhau, trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân vận động thu hút đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo mẫu 2, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả triển khai thực hiện dự án đầu tư khi bắt đầu triển khai xây dựng đến thời điểm đề nghị.

2. Việc hỗ trợ kinh phí này chỉ thực hiện đối với tổ chức, cá nhân có đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải lập 02 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua

đường bưu điện về Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Trong thời hạn 19 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ gửi kết quả theo đường bưu điện hoặc trao trực tiếp kết quả hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân vận động thu hút đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư

Căn cứ vào hồ sơ gồm quyết định hỗ trợ đầu tư hoặc quyết định hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân vận động thu hút đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, khi đối tượng được hỗ trợ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Tài chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Tài chính kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định; ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ.

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp các quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long tại Nghị quyết này làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì nhà đầu tư vẫn được bảo đảm hưởng các hỗ trợ đầu tư theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư đã cấp cho thời gian còn lại của dự án./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trương Văn Sáu

Phụ lục 1
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ - LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
CỦA TỈNH VĨNH LONG

*(Kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

A. NGÀNH, NGHỀ, LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA TỈNH VĨNH LONG GỒM:

- Danh mục ngành, nghề ưu đãi thực hiện như Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo Nghị định về chính sách Khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào Nông nghiệp, Nông thôn của Chính phủ;
- Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên mời gọi đầu tư giai đoạn từ nay đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- Danh mục các dự án mời gọi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long theo từng giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

B. ĐỊA BÀN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Tất cả các dự án đầu tư vào địa bàn huyện Trà Ôn, huyện Tam Bình, huyện Bình Tân, huyện Mang Thít và huyện Vũng Liêm, của tỉnh Vĩnh Long và Khu công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ./.

Phụ lục 2
CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

*(Kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Mẫu 1: Văn bản đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long.

Qua nghiên cứu chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, xét thấy dự án (2) thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh, nhà đầu tư (1)..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chi phí đầu tư dự án (2)....., với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án:.....
2. Lĩnh vực đầu tư:.....
3. Địa điểm thực hiện Dự án:.....
4. Mục tiêu và quy mô của dự án:.....
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:.....
6. Diện tích đất sử dụng:.....
7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
8. Tiến độ thực hiện Dự án:.....
9. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1			
2			
...			

10. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:.....

11. Tổng số tiền đề nghị được hỗ trợ:.....

12. Tên, số tài khoản ngân hàng nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để chuyển tiền:.....

Nhà đầu tư (1)..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác và tính pháp lý của những hồ sơ, chứng từ cung cấp.

....., ngày ... tháng ... năm.....

Nơi nhận:

**Chức danh người đại diện DN
(ký tên)**

Hồ sơ kèm theo:

(3).....

Ghi chú:

(1) *Ghi cụ thể: Tên đơn vị chủ đầu tư dự án*

(2) *Ghi tên cụ thể dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư*

(3) *Chi tiết các hồ sơ, chứng từ*

Mẫu 2: Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí cho tổ chức và cá nhân vận động thu hút đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN VẬN ĐỘNG THU HÚT ĐẦU TƯ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long.

Qua nghiên cứu chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét hỗ trợ kinh phí vận động thu hút đầu tư cho (1)..... trong việc mời gọi đầu tư và vận động, cùng xúc tiến các công việc cần thiết để dự án của nhà đầu tư được triển khai xây dựng và hoàn thành cơ bản đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Tên Dự án:.....
2. Địa điểm thực hiện Dự án:.....
3. Tổng vốn đầu tư của Dự án:.....
4. Diện tích đất sử dụng:.....
5. Tiến độ thực hiện Dự án:.....
6. Ngày khởi công – đến ngày hoàn thành: / / đến / /
7. Nội dung đề nghị hỗ trợ kinh phí.....
8. Cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ kinh phí
9. Tổng số tiền đề nghị được hỗ trợ kinh phí
10. Tên, số tài khoản ngân hàng nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để chuyển tiền:.....

Nhà đầu tư (1)..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác và tính pháp lý của những hồ sơ, chứng từ cung cấp.

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
(ký tên)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(ký tên)

Hồ sơ kèm theo:

(2).....

Ghi chú:

(1) *Ghi cụ thể: Tên đơn vị, cá nhân*

(2) *Chi tiết các hồ sơ, chứng từ*

Mẫu 3: Bản đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư đối với các dự án đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
VẬN ĐỘNG MỜI GỌI ĐẦU TƯ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long.

Qua nghiên cứu chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, (1)..... đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư đối với dự án đầu tư Cụ thể như sau:

I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký thực hiện công tác vận động mời gọi đầu tư:

a) Đối với cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

II. Thông tin về dự án đăng ký thực hiện vận động, mời gọi đầu tư

1. Tên Dự án:

2. Địa điểm thực hiện Dự án:

3. Mục tiêu và Quy mô đầu tư:

4. Tổng vốn đầu tư của Dự án:

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

Nhà đầu tư (1)..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(nếu có)

(ký tên)

(ký tên)

Hồ sơ kèm theo:

(2).....

Ghi chú:

(1) *Ghi cụ thể: Tên đơn vị, cá nhân*

(2) *Chi tiết các hồ sơ, chứng từ*

Mẫu 4: Quyết định hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
Hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số ..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp).....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại: ; Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư số do cấp ngày ... tháng ... năm ...

Điều 1. Thực hiện dự án đầu tư:

- Tên Dự án:.....

Là Dự án thuộc..... (ngành, nghề hỗ trợ đầu tư/địa bàn hỗ trợ đầu tư)

- Lĩnh vực đầu tư:.....

- Địa điểm thực hiện:.....

- Mục tiêu và quy mô của Dự án: công suất nhà máy (theo dự án)

- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:.....

- Diện tích đất sử dụng:.....
- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
- Tiến độ thực hiện Dự án:.....
- Thời hạn hoạt động của Dự án:.....

Điều 2. Các khoản hỗ trợ đầu tư *(Chỉ ghi các hỗ trợ Doanh nghiệp được hưởng)*

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1			
2			
...			

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định hỗ trợ đầu tư được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)